

Bản án số: 190/2023/HC-PT

Ngày: 27-3-2023

V/v “*Khiếu kiện quyết định
hành chính về lĩnh vực đất đai*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các thẩm phán: Ông Lê Văn An

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Nguyễn Gia Viễn – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 746/2022/TLPT-HC ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính về lĩnh vực đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2022/HC-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 442/2023/QĐ-PT ngày 27/02/2023 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Lê Trung P, sinh năm 1954; Địa chỉ: Khóm 1, Phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Lê Nhựt H, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp Sóc Vinh, xã Phương Thạnh, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền ngày 14/6/2022 (có mặt).

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh; Địa chỉ trụ sở: Số 01, Đường 19 tháng 5, Phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải; Địa chỉ trụ sở: Số 14, Đường 3 tháng 2, Khóm 1, Phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn L, chức vụ: Phó chủ tịch (có mặt).

3. Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Lê Trung P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06/12/2021 và các lời khai trong quá trình tố tụng

người khởi kiện ông Lê Trung P trình bày: Vào khoảng năm 1971, 1982 huyện Duyên Hải được thành lập trên cơ sở tách ra từ huyện Cầu Ngang. Sau khi chia huyện, Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải có phân công một nhóm đoàn công tác gặp mẹ ông tên Nguyễn Thị Đ (đã chết) và các hộ dân có đất trong khu vực quy hoạch để giao đất lại cho Nhà nước xây dựng trụ sở làm việc, trong đó có một phần đất của gia đình ông diện tích hơn 30.000m², thời điểm này do kinh tế gia đình ông khó khăn nên anh chị em đi làm ăn xa, ông thì sống ở Cà Mau nên không hay biết việc giao đất này. Đến khoảng năm 1996 em ông tên Lê Văn S cùng nhiều hộ dân khác tiến hành khiếu nại yêu cầu Nhà nước bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất do xây dựng huyện Duyên Hải, theo Đề án số 24/ĐA.UBH-NC ngày 28/12/2001 của Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải về việc giải quyết đất đai trong khu vực quy hoạch thị trấn Duyên Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh và Phương án bổ sung số 01, 02 áp giá bồi hoàn, gia đình ông có đất trong khu vực quy hoạch thị trấn Duyên Hải được đền bù; đơn giá là 30.000 đồng/m² và đối với tổng diện tích 17.320m² số tiền 519.600.000 đồng cho em ông Lê Văn S nhận. Việc Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải thu hồi đất và bồi thường giá trị quyền sử dụng đất để sử dụng vào mục đích chung là phù hợp với quy định của pháp luật, tuy nhiên tại thời điểm Nhà nước giải quyết bồi thường toàn bộ phần đất của gia đình khi đó mẹ tôi đã chết, Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải tiến hành việc bồi thường không xem xét ý kiến của tất cả các anh chị em trong gia đình ông mà chỉ làm việc với em ông Lê Văn S ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông và các anh chị em của ông.

Về diện tích bồi hoàn gia đình ông bị thiệt hại 30.000m² thuộc các thửa 241, 242, 243, 244, 245, 310, 321, 348, 349, 350, 357, 367, chứ không phải là 17.320m², nhưng quá trình giải quyết Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải chỉ xem xét giá bồi hoàn 30.000 đồng/17.320m² là chưa thỏa đáng, ngoài ra không xem xét hỗ trợ bất kỳ khoản nào cho gia đình ông là chưa đúng quy định pháp luật.

Nên ông khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải, ngày 15/5/2018 Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải ra Quyết định số 1031/QĐ-UBND không chấp nhận yêu cầu của ông, nên ông tiếp tục khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, ngày 08/7/2021 Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ra Quyết định số 1328/QĐ-UBND giữ nguyên quyết định của Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải. Nay ông không đồng ý với hai quyết định trên, nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định 1031 và 1328.

** Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải trình bày theo Công văn số 1019/UBND-NC ngày 25/4/2022:* Đối với nội dung khiếu nại giao trả lại diện tích khoảng 600m² đất cấp ranh Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải đến giáp ranh đất nhà của ông P hiện tại; đất thuộc một phần diện tích của thửa đất số 45, thửa 86, tờ bản đồ số 15 do Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải quản lý với tổng diện tích chung là 10.435,5 m², tại khóm 1, phường 1, thị xã Duyên Hải mà trong thực hiện Đề án 24/ĐA.UBH-NC ngày 28/12/2001 của Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải, ông P cho rằng chưa bồi thường cho ông P, yêu cầu này không có cơ sở vì: Diện tích này nằm trong diện tích 6.800m² của thửa đất 327 đã được bồi thường theo Đề án 24 cho ông Lê Văn S và một phần diện tích đất rừng thuộc thửa

367, diện tích còn lại 1.320m² ông P sử dụng một phần và sang nhượng cho người khác. Ngày 10/11/2014, ông P có đơn yêu cầu giúp đỡ do hoàn cảnh gia đình quá khó khăn và được sự thống nhất của Thường trực Huyện ủy giao trả cho ông P một nền nhà ở diện tích 200m², ông P được cấp quyền sử dụng đất vào ngày 14/5/2015 nên việc ông P cho rằng chưa bồi thường và đòi lại là không đúng vì trong quá trình giải quyết về đất đai Ủy ban nhân dân huyện đã thực hiện việc bồi thường đầy đủ diện tích thu hồi, sau đó có tính đến yêu tố đóng góp của gia đình ông P.

Đối với nội dung khiếu nại trả lại diện tích đất 3.610,9m² đất cấp Bảo hiểm xã hội, phần đất nào có xây dựng công trình Nhà nước thì ông P đồng ý hiến, nếu giao, cấp cho người dân thì thu hồi trả lại cho ông; căn cứ vào hồ sơ bồi thường: Phần diện tích đất mà ông P yêu cầu thuộc một phần của thửa 327, diện tích 8.030m² theo tư liệu 1982 do bà Nguyễn Thị Đ kê khai sử dụng đã được bồi thường khi thực hiện Đề án 24 cho ông Lê Văn S và một phần diện tích của thửa 328 đã bồi thường cho ông Nguyễn Trường S1; đến năm 2000, khi đo đạc bản đồ chính quy ông Lê Trung P tự ý đăng ký thành thửa 19, tờ bản đồ số 14, diện tích chung là 3.161,9m, loại đất Hg/b trên phần diện tích đất đã được bồi thường cho ông S và ông S1, việc kê khai của ông P đã được Đoàn đo đạc ghi nhận vào sổ đã ngoại và biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 06/10/2000 của Tổ đo đạc nên ông P cho rằng mình có quyền sử dụng trên phần diện tích đất này và đòi lại là không có cơ sở để xem xét giải quyết vì đất đã được bồi thường, do đó diện tích đất mà ông P yêu cầu thu hồi lại để trả cho ông là đất thuộc quyền quản lý của Nhà nước.

Đối với nội dung khiếu nại yêu cầu bồi thường diện tích 9.000m² đất còn lại của Sân vận động cũ nay không sử dụng, nếu không bồi thường thì xem xét hỗ trợ phần nào cho ông P, căn cứ quá trình giải quyết việc bồi thường theo Đề án 24/ĐA.UBH-NC ngày 28/12/2001 và Phương án 01/2006/PA-UBND, ngày 16/5/2006 của Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải về việc bồi hoàn đất bổ sung cho các hộ trong khu vực Bệnh viện, Phòng Nội vụ do phát sinh trong khu quy hoạch thị trấn Duyên Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tại vị trí đất ông P yêu cầu do nhiều người sử dụng và kê khai đăng ký, trong đó có bà Nguyễn Thị Đ là mẹ của ông P tại thửa 241 và thửa 242 do ông Bùi Đức Điều kê khai nhưng đất do bà Đáng cho mượn và đất động cát, đất trường học; các thửa đất có chủ sử dụng kê khai sử dụng, chứng minh được quá trình sử dụng đất đã được ghi nhận và bồi thường nên khiếu nại của ông P cho rằng toàn bộ diện tích đất còn lại của Sân vận động là 9.258,6m² là của gia đình ông bị trưng dụng nhưng không được bồi thường và yêu cầu được bồi thường hoặc hỗ trợ là không có cơ sở để xem xét giải quyết.

Đối với nội dung khiếu nại xin nhận lại diện tích 5.000m² thuộc một phần thửa 45 tổng diện tích 9.206,5m², tờ bản đồ số 15, do Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải quản lý chưa bồi thường cho gia đình ông. Căn cứ vào quá trình giải quyết việc bồi thường theo Đề án 24/ĐA.UBH-NC, ngày 28/12/2001 của Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải thì phần đất này là đất rừng tự nhiên, quá trình sử dụng ông Phát là cha của ông P có bao để đặt tôm, cá tự nhiên và không có đầu tư vào việc cải tạo đất nên không được bồi thường theo Đề án 24, việc này đã được thống nhất về chủ trương bồi thường, các trường hợp được bồi thường và không bồi

thường, giá đất bồi thường đều đã được công khai và lấy ý kiến thống nhất của toàn thể người dân có đất bị thiệt hại trước khi đưa vào thực hiện, việc không đưa phần đất này vào bồi thường là đúng quy định của pháp luật, nên việc ông P khiếu nại việc bồi thường phần đất rừng và đòi lại là không có cơ sở để xem xét giải quyết. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Duyên yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh giải quyết bác nội dung khởi kiện của ông Lê Trung P; yêu cầu ông Lê Trung P phải nghiêm chỉnh chấp hành các chính sách về đất đai của Nhà nước.

** Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh vắng mặt trình bày theo Công văn số 1770/UBND-NC ngày 05/5/2022:* Việc khiếu nại của ông Lê Trung P đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho các cơ quan chức năng xác minh, kiểm tra làm rõ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức đối thoại với người khiếu nại và đã ban hành Quyết định số 1328/QĐ-UBND ngày 08/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về giải quyết khiếu nại của ông Lê Trung P giữ nguyên Quyết định 1031/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khẳng định việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Trung P theo Quyết định số 1328 là đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2022/HC-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 30, 32, 116, 157, 158, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 206 và Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 62, 63, 67, 68, 69, 74, 75 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 18; Điều 21, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 36, 37, 38, 39, 40 của Luật khiếu nại năm 2011;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trung P về yêu cầu hủy Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải về giải quyết khiếu nại (lần đầu) và Quyết định số 1328/QĐ-UBND ngày 08/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về giải quyết khiếu nại (lần hai).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/8/2022 người khởi kiện ông Lê Trung P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, người khởi kiện ông Lê Trung P có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Nhựt H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

Ông Lê Nhựt H trình bày: Đối với thửa 327, phần diện tích hơn 38.000m² đã được Nhà nước sử dụng trước đó mà chưa thu hồi, phần diện tích được bồi thường không được kiểm kê đo đạc lại nhưng thực tế nhiều hơn, ông P có khiếu nại đề

kiểm kê đo đạc lại, phía Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải cũng thừa nhận có chênh lệch nhưng không cho đo lại. Đối với thửa 367, Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải và Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh thừa nhận không đủ điều kiện bồi thường nhưng vẫn đủ điều kiện được hỗ trợ nhưng không xem xét giải quyết cho ông P là ảnh hưởng quyền lợi của ông P. Còn các thửa 241, 243 có nguồn gốc của gia đình ông P từ trước năm 1975, đến năm 1976 Nhà nước có nhu cầu xây dựng trường học, sau này không sử dụng nữa thì trả lại cho ông P sử dụng nhưng không được có tên đăng ký, kê khai nên không đủ điều kiện bồi thường. Về thành phần tham gia giải quyết khiếu nại có thành viên đã có mặt trong quá trình giải quyết khiếu nại theo đề án 24 và cũng tham gia giải quyết khiếu nại lần 2 là chưa đảm bảo khách quan. Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P, hủy Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải về giải quyết khiếu nại (lần đầu) và Quyết định số 1328/QĐ-UBND ngày 08/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về giải quyết khiếu nại (lần hai).

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là ông Nguyễn Văn Lánh trình bày: Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải đã thực hiện đúng đề án, còn diện tích còn lại là đất do Nhà nước quản lý nên không có cơ sở bồi thường theo đề án 24 cho ông P. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hành chính 2015 và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Khi thực hiện dự án không có hộ nào khác khiếu nại ngoài hộ của ông P, căn cứ khởi kiện của ông P không đúng, đồng thời ông P có kháng cáo nhưng không có chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do đó Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Lê Trung P là có căn cứ, yêu cầu kháng cáo không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Trung P, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Trung P trong hạn luật định, hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo:

[2.1] Về nội dung vụ án: Ông Lê Trung P cầu hủy Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải và Quyết định số 1328/QĐ-UBND ngày 08/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Trung P.

[2.2] Xét thẩm quyền ban hành Quyết định:

Ông Lê Trung P cho rằng Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải bồi hoàn giá trị

quyền sử dụng đất chưa đúng đối tượng, bồi hoàn chưa đủ diện tích đất của gia đình ông và giá bồi thường chưa thỏa đáng, ông P làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải. Ngày 15/5/2018 Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải ban hành Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Lê Trung P, ngụ tại khóm 1, phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông P, nên ông P không đồng ý tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, ngày 08/7/2021 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quyết định số 1328/QĐ-UBND ngày 08/7/2021 giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Lê Trung P, giữ nguyên Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải.

Việc ban hành Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải và Quyết định số 1328/QĐ-UBND ngày 08/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 21 của Luật khiếu nại năm 2011.

[2.3] Xét trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 1031 và 1328:

Căn cứ vào Quyết định số 256/QĐ-CTT ngày 16/02/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh thành lập Đoàn công tác điều tra xây dựng phương án giải quyết khiếu nại đất đai khu vực thị trấn Duyên Hải, huyện Duyên Hải. Trên cơ sở kết quả điều tra, ngày 28/12/2001, Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải (nay là thị xã Duyên Hải) xây dựng Đề án số 24/ĐA.UBH-NC về giải quyết đất đai trong khu vực quy hoạch thị trấn Duyên Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Ngày 28/3/2002 Tổ công tác 492 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh có Tờ trình về việc thẩm định Đề án số 24/ĐA.UBH-NC ngày 28/12/2001 của Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải về giải quyết đất đai trong khu vực quy hoạch thị trấn Duyên Hải, ngày 09/4/2002 Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh có Công văn số 674/UBT-NNN về việc đền bù đất khu vực quy hoạch thị trấn Duyên Hải, huyện Duyên Hải, theo đó có 40 hộ dân có đất trong khu vực thị trấn Duyên Hải được đền bù, đơn giá đền bù là 30.000 đồng/m², kết quả bồi hoàn theo Đề án 24 ông Lê Văn S (con ruột của bà Nguyễn Thị Đáng), bà Đáng chết nên ông S đại diện gia đình nhận tiền bồi hoàn tổng diện tích 17.320m², tổng số tiền 519.600.000 đồng có phiếu chi ngày 04 và 20/5/2002. Trong quá trình thống kê, kiểm điểm diện tích thực hiện bồi thường theo Đề án 24 có phần sai sót về đối tượng và diện tích đất thực hiện bồi thường nên có tiếp tục phát sinh khiếu nại, nên Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải đã ban hành Phương án số 01/2006/PA-UBND ngày 16/5/2006 về việc bồi hoàn đất bổ sung cho các hộ trong khu vực bệnh viện, phòng nội vụ và khu quy hoạch thị trấn Duyên Hải, hộ ông Lê Văn S được tiếp tục bồi hoàn thêm tổng diện tích 737,5m² với tổng số tiền 22.125.000 đồng có phiếu chi ngày 22/10/2007. Việc kiểm định, áp giá bồi thường và trình tự thủ tục thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

[2.4] Xét việc bồi hoàn, giải quyết khiếu nại của ông Lê Trung P:

Tại biên bản làm việc ngày 05/3/2001 của thị trấn Duyên Hải, huyện Duyên Hải với ông Lê Trung P, ông Lê Văn S để xác định diện tích đất của gia đình các ông. Qua làm việc ông P, ông S xác định đất của các anh chị em của ông P, ông S có tên trong sổ mục kê 299/TTg gồm các thửa 357, 350, 348, 327, 244 có tổng diện

tích 26.610m² (chưa trừ diện tích lộ giao thông, cơ quan). Các thửa mà gia đình ông S có đứng tên trong sổ mục kê 299/TTg nhưng nhà nước không sử dụng là thửa 310, 245 có tổng diện tích 1.560m². Các thửa mà gia đình ông S không có tên trong sổ mục kê 299/TTg theo các ông có nguồn gốc của gia đình gồm các thửa 241, 242, 243, 312, ông P đại diện hộ gia đình ký tên xác nhận.

Kết quả bồi hoàn theo Đề án số 24/ĐA.UBH-NC ngày 28/12/2001 và Phương án số 01/2006/PA-UBND ngày 16/5/2006 của Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải:

Các thửa đất do anh chị của ông Lê Văn S đứng tên gồm: Thửa 350 do bà Lê Thị L1 đứng tên, thửa 346 do bà Lê Thị N đứng tên, thửa 348 do bà Lê Thị G đứng tên đã nhận bồi hoàn và không có khiếu nại đến nay; đối với các thửa đất do bà Nguyễn Thị Đ (mẹ ông P) đứng tên trong tư liệu đo đạc năm 1983 (bao gồm thửa 245 không ghi tên chủ sử dụng, thửa 242 cho ông Bùi Đức Điều mượn, thửa 310 do ông Mai Anh T đứng tên) thì bồi hoàn cho ông Lê Văn S (em ông P) đại diện nhận, tại biên bản lấy lời khai ngày 10/8/2022 ông S thống nhất về giá bồi hoàn cũng như số tiền đã nhận bồi hoàn tổng số tiền 541.725.000 đồng (bồi hoàn theo Đề án 24 và Phương án số 01), số tiền này ông S trình bày sau khi nhận tiền bồi hoàn đã chia cho các anh chị em trong gia đình ông S, trong đó chia cho ông P số tiền 120.000.000 đồng và không ai khiếu nại gì liên quan đến việc bồi hoàn theo Đề án 24.

Việc ông Lê Trung P yêu cầu giao trả diện tích 4.000m² thực đo 3.161,9m² thuộc một phần thửa 327 tổng diện tích 8.030m² (cấp Bảo hiểm xã hội) theo tư liệu năm 1982 do bà Nguyễn Thị Đ kê khai đã được bồi hoàn khi thực hiện Đề án 24, nhưng Nhà nước chưa sử dụng, năm 2000 ông P kê khai thành thửa số 19, tờ số 14, loại đất Hg/b được Đoàn đo đạc ghi nhận vào sổ dã ngoại nhưng không được xét cấp quyền sử dụng đất, ông P căn cứ vào việc ghi nhận này để đòi lại đất là không có cơ sở vì đã đất này đã được bồi hoàn đầy đủ cho ông S, ông S cũng thừa nhận việc này là đúng sự thật

Ông P yêu cầu trả diện tích 600m² đất cấp ranh Tòa án thị xã Duyên Hải đến giáp ranh đất nhà của ông P hiện tại, đất thuộc một phần diện tích của thửa số 45, thửa số 86, tờ bản đồ số 15 do Ủy ban nhân dân thị xã quản lý với tổng diện tích 10.435,53m², tọa lạc Khóm 1, Phường 1, thị xã Duyên Hải là không có cơ sở, bởi lẽ diện tích đất này nằm trong tổng diện tích 6.800m² thuộc thửa 327 đã được bồi hoàn theo Đề án 24 cho ông Lê Văn S nhận, diện tích còn lại 1.320m² ông P đang sử dụng.

Ông P yêu cầu bồi thường phần đất có diện tích 9.000m² (thực đo 9.258,6m² gần sân vận động cũ: Theo tư liệu địa chính năm 1982, khu vực Sân vận động cũ thuộc các thửa đất 241, 240, 238, 283, 284, 242, 244, 243, 246, các thửa đất này có chủ sử dụng kê khai thì được ghi nhận bồi thường. Tại vị trí đất mà ông P yêu cầu do có nhiều người sử dụng và kê khai đăng ký, trong đó có bà Nguyễn Thị Đ là mẹ của ông P, thửa đất số 244 và thửa 242 bà Đáng cho ông Bùi Đức Điều mượn đã được bồi thường xong cho ông S nhận. Đối với thửa 241, 243 ông S cũng xác nhận tại biên bản ngày 05/3/2001 của Đoàn công tác thành lập theo Quyết định số 256/QĐ-CTT ngày 16/02/2001 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh thì đất này gia đình ông không có kê khai nhưng cho rằng là nguồn gốc của gia đình ông

cho trường học mượn nhưng không có bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho trường học mượn vì thực tế đất này của trường học đã sử dụng từ năm 1976, hộ gia đình ông P không có thông tin kê khai sử dụng nên không thuộc đối tượng bồi thường theo Đề án 24, trước đây ông S cũng có yêu cầu bồi thường thửa đất 241 và 243 nhưng không xem xét bồi thường cho ông S, theo Đề án 24 ông S cũng thống nhất nhận 01 nền nhà diện tích 280m² thuộc một phần thửa 312 tổng diện tích 810m², diện tích còn lại bồi thường cho ông S theo Phương án 1 nên ông S đã chấm dứt việc khiếu nại liên quan đến Đề án 24 cho đến nay, yêu cầu bồi thường của ông P ông S đã nhận xong nên không thể bồi thường hay trả lại đất theo yêu cầu của ông P.

Ông P yêu cầu trả lại cho gia đình ông phần đất 5.000m² thuộc một phần thửa 45 tổng diện tích 9.206,3m², tờ bản đồ số 15 do Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải quản lý chưa bồi thường cho gia đình ông P:

Theo Đề án 24 phần đất này là đất rừng Cóc, Chà và đất lán tự nhiên, từ trước năm 1960 ông Lê Văn P1 (cha ruột ông P) có sử dụng để đặt tôm, cá tự nhiên. Khi thực hiện Đề án 24 thì diện tích xây dựng khu nhà ăn của Ủy ban huyện Duyên Hải có diện tích 14.519,5m². Theo tài liệu năm 1983, trong diện tích đất này có 4.095m² thuộc thửa 327 đã được bồi hoàn cho ông Lê Văn S, phần đất còn lại nằm trong thửa 367, tờ bản đồ số 4 tổng diện tích là 1.474.360m², loại đất rừng, tại thời điểm bồi hoàn theo Đề án 24 đất do nhiều người cùng bao chiếm để đặt tôm cá, ông P cũng như các hộ dân này không có đầu tư vào việc cải tạo đất nên không xem xét bồi thường công sức cải tạo đất cho gia đình ông P.

Mặt khác, năm 2014 ông P có đơn yêu cầu giúp đỡ do hoàn cảnh gia đình khó khăn và được Thường trực Huyện ủy thống nhất giao trả cho ông P một nền nhà có chiều rộng 6,5m đường 3/2 để ông P không khiếu nại về sau, Ủy ban nhân dân thị trấn Duyên Hải có lập biên bản tiếp xúc với ông P ngày 31/3/2015 thể hiện “*Do yêu cầu của ông P xung quanh thực hiện Đề án 24 đã được UBND huyện Duyên Hải đáp ứng nên từ nay mọi yêu cầu của ông liên quan đến phần đất trong Đề án 24 sẽ không được giải quyết và không khiếu nại về sau*”, ông P đã nghe đọc lại biên bản tiếp xúc này và đã ký tên xác nhận vào biên bản, như vậy việc ông P đồng ý nhận phần đất chiều ngang 6,5m, chiều dài 35m và thống nhất không khiếu nại về sau, đến ngày 25/4/2015 Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải ban hành Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 25/4/2015 về việc giao đất không thu tiền sử dụng đất, quyết định giao cho hộ ông Lê Trung P diện tích đất 200m², loại đất ODT (đất ở đô thị) thuộc thửa số 219, tờ bản đồ số 219 (chiết từ thửa 86), tọa lạc tại khóm 1, thị trấn Duyên Hải, huyện Duyên Hải để làm nhà ở, đến ngày 14/5/2015 ông P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng do ông P đại diện hộ đứng tên, đến năm 2016 ông P lại tiếp tục làm đơn khiếu nại yêu cầu giao trả và tiếp tục bồi thường các thửa đất theo Đề án 24 cho gia đình ông P, việc làm của ông P là trái với việc xác nhận của ông P tại Biên bản tiếp xúc ngày 31/3/2015 và phần đất 200m² ông P đã được Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải công nhận để cất nhà ở. Hơn nữa việc ông cho rằng gia đình ông P khó khăn nên xin giúp đỡ để có nhà ở là không đúng sự thật vì qua thực tế xác minh thì ông P là nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Long Toàn, hiện gia đình có kinh doanh quán ăn tại nhà, không thuộc diện hộ

nghèo và có nhiều đất gồm: Thửa đất số 49 diện tích còn lại 697,3m²; thửa 36 diện tích 482,2m², trước đây ông P cũng được Nông trường Khối đảng huyện Duyên Hải khi giải thể có giao đất cho ông P, ngoài ra ông P còn nhận chuyển nhượng đất từ người khác thửa 96, 100 và chuyển nhượng đất lại cho người khác.

Ông P yêu cầu xem xét về giá bồi hoàn theo Đề án 24 và Phương án 01, xét thấy: Ngày 16/9/1998, Ủy ban nhân dân tỉnh có Quyết định số 1225/1998/QĐ-UBT ban hành bảng giá các loại đất trong phạm vi tỉnh Trà Vinh, để tính thuế chuyển quyền sử dụng đất, thu tiền sử dụng khi giao đất, thu tiền thuê đất và tính giá trị tài sản khi giao đất, bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất. Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải thực hiện Đề án số 24 nhằm giải quyết việc Nhà nước sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để xây dựng huyện lỵ huyện Duyên Hải, nhưng theo Đề án không phải trường hợp áp giá bồi hoàn khi nhà nước thu hồi đất nên Quyết định số 1225 không áp dụng được cho đề án. Do đó, Ủy ban xem xét giá đất theo Quyết định số 1225 kết hợp lấy ý kiến đóng góp của các hộ gia đình, các hộ gia đình trong đó có hộ ông Lê Văn S đã thống nhất giá bồi hoàn là 30.000 đồng/m², tại biên bản lấy lời khai ngày 10/8/2022 ông S cũng khẳng định việc bồi hoàn và giá bồi hoàn theo Đề án số 24 thì ông S, ông P cũng như các anh chị em của ông P ông S đều biết thống nhất số tiền bồi hoàn và giá bồi hoàn 30.000 đồng/m² nên ngoài ông P thì những anh em còn lại của ông P không ai khiếu nại, các vấn đề ông P khiếu nại yêu cầu thì trước đây ông S cũng đã khiếu nại và không được chấp nhận, cho nên việc ông P khiếu nại không được Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải và Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh không chấp nhận là có cơ sở.

Từ những cơ sở ở trên, xét thấy Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải và Quyết định số 1328/QĐ-UBND ngày 08/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh giải quyết khiếu nại của ông P có căn cứ, đúng trình tự, đúng pháp luật.

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trung P là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện ông Lê Trung P phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên, ông Lê Trung P sinh năm 1954 là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng Hành chính 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Trung P. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2022/HC-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trung P về yêu cầu hủy Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải về giải quyết khiếu nại (lần đầu) và Quyết định số 1328/QĐ-UBND ngày 08/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về giải quyết khiếu nại (lần hai).

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Lê Trung P được miễn nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Đương sự (4);
- Lưu HS (2), VP(5) (16B). (LTTT).

Trần Văn Mười